

VAI TRÒ CỦA GIÀ LÀNG, TRƯỞNG BẢN, TRƯỞNG HỌ VÀ NGƯỜI CÓ UY TÍN Ở MỘT SỐ TỘC NGƯỜI TẠI TỈNH SƠN LA TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY

NGUYỄN NGỌC THANH

Trong bản làng các dân tộc thiểu số ở tỉnh Sơn La, già làng, trưởng bản, trưởng họ và những người có uy tín luôn giữ vị trí quan trọng. Những nhân vật này có vai trò tích cực trong quản lý nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi hiện nay. Tiếng nói của họ, ở các mức độ khác nhau có sức mạnh nhất định. Vấn đề này đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu (Trần Văn Bính (Chủ biên), 2004; Ngô Ngọc Thắng, 1997; Bùi Xuân Trường, 1997; Phan Hữu Dật, 2003; Lê Thị Phương Thảo, 2004;...). Các công trình kể trên đã giới thiệu một cách khái quát nhất vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín, đồng thời đây được xem như một giá trị truyền thống cần khai thác khi hoạch định các chính sách phát triển đối với vùng dân tộc thiểu số.

1. Khái niệm về già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín

1.1. Già làng: là người cao tuổi được dân làng cử ra để điều khiển công việc chung ở các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên (Viện Ngôn ngữ học, 1996, tr. 396).

Già làng còn được hiểu theo nghĩa rộng, tức là *những người già ở trong làng*, được kính nể, trọng vọng do sự cống hiến của họ cho buôn làng, do phẩm chất đạo đức, tư cách, do vốn kinh nghiệm về mọi mặt có thể giúp ích cho dân làng bằng những

lời khuyên và việc làm thiết thực, hợp tình hợp lý. Do vậy, danh từ *già làng* vừa dùng để chỉ một lớp người cao tuổi ở trong làng, trong thôn, trong bản, vừa dùng để chỉ một người cao tuổi và nó không chỉ bó hẹp ở vùng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên mà còn ở một số vùng thuộc các tỉnh phía Bắc.

Già làng là một thuật ngữ có tính lịch sử xã hội rất phức tạp. Bởi nó liên quan đến nhiều yếu tố: điều kiện sống, tư duy, ý thức, bản sắc văn hoá, phong tục tập quán, đôi khi còn mang cả yếu tố thần bí. Dù là già làng nhưng hầu hết những người này có thể không nắm giữ bất cứ một cương vị nào trong bộ máy của làng, của thôn bản. Họ đơn thuần chỉ là những người sống lâu năm, “sống lâu lên lão làng”. Lớp người già thứ hai là những người có khả năng, kinh nghiệm, vốn sống, tham gia vào bộ máy tự quản của làng, xã, thôn, thành già làng và đương nhiên họ cũng được phân theo thứ bậc cao thấp.

Điều đáng nói là già làng thường được hiểu theo nghĩa là *người thủ lĩnh của một làng, là người được cộng đồng làng tín nhiệm, suy tôn*, do tuổi tác, vốn sống, hiểu biết, đức độ... được kết tinh trong cả cuộc đời sống với làng, cống hiến, đóng góp cho làng. Trong mỗi làng ở miền núi, già làng thường là người đứng đầu một tộc, dòng họ hoặc đứng đầu làng. Tùy đặc điểm của mỗi

dân tộc, có vùng chỉ có một già làng, có nơi có hội đồng già làng (ba, bốn già làng) nhưng trong đó vẫn có một già làng đứng đầu do các già làng khác cử ra, điều khiển công việc chung của làng. Các già làng khác chỉ tư vấn hoặc làm một số phần việc do già làng thứ nhất phân công.

Già làng ở nước ta có lịch sử rất lâu đời. Có thể ban đầu, vai trò của già làng hình thành một cách tự nhiên trong cuộc sống cộng đồng mà trình độ kinh tế - xã hội dựa theo kinh nghiệm được lưu giữ trong trí nhớ của già làng là chủ yếu. Không ai quy định, không ai bầu ra nhưng người dân luôn tin tưởng và nghe theo ý kiến của người già. Tiếp đó là già làng với tư cách chủ làng, do dân làng bầu ra. Đây là “chức danh” không theo định kỳ, không phải cha truyền con nối. Việc già làng giữ vai trò thủ lĩnh, vai trò chủ làng lâu hay ngắn tùy thuộc vào khả năng đóng vai trò thủ lĩnh, được dân làng chấp nhận hay không chấp nhận. Dân làng sẽ chọn cử người khác thay thế trong các trường hợp già làng chết, sức khỏe yếu không đảm nhiệm được công việc chung hoặc vi phạm tập tục, uy tín giảm...

Có nhiều yếu tố quy định vị trí vai trò già làng, kể cả theo tín ngưỡng dân gian, có được thần linh ủng hộ hay không ủng hộ hoặc là người có công lớn lập làng, lập nghề mang lại lợi ích lớn cho làng, tuy nhiên điều quan trọng nhất để xem xét vẫn là phẩm chất đạo đức và năng lực cá nhân. Và bởi vậy, ở nhiều nơi, già làng không nhất thiết là người cao tuổi nhất.

Tóm lại, già làng là người cao tuổi, am hiểu phong tục, tập quán, lễ nghi, luật tục của dân tộc mình, có uy tín, được nhân

dân trong làng kính trọng, tôn sùng theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng. Già làng thường là người đứng đầu làng, đảm nhận điều khiển công việc chung của dòng tộc hoặc của dân làng.

Ngày nay, chế độ già làng và hội đồng già làng tuy không được thừa nhận như một bộ phận của bộ máy quản lý nhà nước, song trong các bản làng, uy tín và địa vị đích thực của họ vẫn có ảnh hưởng đáng kể. Thiết chế già làng vẫn tiếp tục hoạt động lặng lẽ, như một lực lượng điều hành đời sống xã hội. Do đó phát huy mặt tích cực của già làng, thu hút rộng rãi tầng lớp già làng là giải pháp quan trọng nhằm tăng cường công tác dân vận, mở rộng dân chủ, củng cố sức mạnh đoàn kết toàn dân, phục vụ sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Hiện nay, theo thống kê, một số tỉnh ở miền núi phía Bắc có đông già làng là: Lào Cai - 2.153 người, Quảng Ninh - 1.900 người, Sơn La - 1.916 người (Lê Trọng Vinh, 2005).

1.2. Trưởng bản: Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 trưởng bản (cách gọi ngày nay) hay người đứng đầu bản được gọi là *lang đạo* (ở người Mường), *tạo bản* (ở người Thái)... tùy theo từng dân tộc, từng vùng cụ thể mà có tên gọi khác nhau.

Trong xã hội truyền thống các dân tộc thiểu số phía Bắc nói chung, trưởng bản trong bộ máy tự quản là do dân cử theo những tiêu chuẩn của tập quán pháp quy định. Họ là những người có uy tín, được quần chúng suy tôn bởi những chuẩn mực như: biết tổ chức làm kinh tế gia đình; hiểu biết quy ước luật tục, phong tục, tập quán và lịch sử của làng; có khả năng ứng xử và giao tiếp; luôn chăm lo, bảo vệ cuộc sống bình an

của dân làng. Do vậy, trưởng bản trong xã hội truyền thống thường được quần chúng kính nể, tin yêu và nghe theo.

Cuối thập kỷ 80 các hợp tác xã bị giải thể, chế độ trưởng bản được khôi phục lại. Trưởng bản là nhân vật xử lý mọi vấn đề có liên quan đến thôn bản mình. Là mắt xích quan trọng của chính quyền cấp cơ sở. Kế thừa những tiêu chuẩn bầu người đứng đầu bản của xã hội truyền thống, người được tín nhiệm bầu làm trưởng bản có tích hợp một số đặc điểm mới, phù hợp hơn với thời hiện đại. Nếu như trưởng bản xưa thường là trung niên hoặc cao niên (từ 50 đến 65 tuổi) thì hiện nay trưởng bản có xu hướng được trẻ hóa.

Trưởng bản ngày nay có nhiệm kỳ là 2 năm rưỡi, bằng nửa nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

Người được chọn bầu làm trưởng bản, phải là người gương mẫu; có hiểu biết về pháp luật và kinh nghiệm tổ chức sản xuất, chăm lo cho đời sống cộng đồng dân cư; có khả năng vận động nhân dân tổ chức thực hiện một số công việc mà chính quyền giao.

Nhiệm vụ của trưởng bản là tuyên truyền, giáo dục và động viên nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với địa phương; Phổ biến, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống để nhân dân trong bản thực hiện; Hướng dẫn, động viên nhân dân trong bản xây dựng gia đình văn hoá mới, bài trừ mê tín dị đoan và các tệ nạn khác; Vận động nhân dân giữ gìn trật tự an ninh, quản lý dân cư; xử lý và ngăn chặn kịp thời những vi phạm thuộc thẩm quyền giải quyết; Lắng nghe và phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân lên trên để giải quyết kịp thời.

Quyền lợi của trưởng bản: Được bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội. Được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân khi bàn những nội dung có liên quan đến bản; Được hưởng chế độ công tác phí hàng tháng do ngân sách nhà nước đài thọ, được dự toán và chi trả qua ngân sách xã... (Nguyễn Ngọc Hà và các cộng sự, 2006, tr. 17).

1.3. Trưởng họ: Đứng đầu một họ có *trưởng họ*. Người này là con trai thứ nhất của chi thứ nhất hay còn gọi là chi trưởng. Chức trưởng họ thường cha truyền con nối. Trong trường hợp không có con trai hoặc không có con thì chức trưởng họ chỉ truyền lại trong nội bộ chi trưởng, không truyền lại cho các chi dưới.

Trưởng họ có trách nhiệm trông nom nhà thờ họ (nếu có), tổ chức các kỳ cúng lễ, chủ trì các nghi lễ lớn trong dòng họ. Tóm lại, trưởng họ là những người có quyền uy lớn nhất trong dòng họ.

Ở một số tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao; Hán - Tạng; Tày - Thái trưởng họ có vai trò rất quan trọng. Chẳng hạn, ở người Hmông, trưởng họ (*hâux pâu* - cái gốc) thường là người am hiểu các quy định, các bài cúng của dòng họ mình, hiểu biết thành thạo phong tục tập quán dân tộc mình, có tài ứng xử, giỏi lý lẽ, giỏi về tổ chức và có kinh nghiệm trong các hoạt động sản xuất, có phẩm chất trung thực, biết quan tâm chăm sóc đến đời sống và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong dòng họ, đồng thời được người dòng họ khác kính trọng. Nhờ vậy, ý kiến của trưởng họ được mọi người trong dòng họ tin cậy và thực hiện.

Trưởng họ có nhiệm vụ duy trì mọi sinh hoạt trong dòng họ mình như thờ cúng tổ tiên; Tổ chức các nghi lễ chung để cầu yên, cầu phúc cho dòng họ; Quyết định việc di chuyển cư của các hộ trong dòng họ; Đứng ra giải quyết những bất hòa, mâu thuẫn về đất đai, tài sản... giữa các gia đình trong dòng họ và giữa dòng họ mình với các dòng họ khác. Ngày nay, trưởng họ còn là người đóng vai trò tích cực trong việc giúp đỡ các thành viên trong dòng họ tìm hướng đi mới để phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường, nhằm tìm ra các giải pháp giúp nâng cao đời sống của cả dòng họ và bảo vệ nguồn tài nguyên cộng đồng một cách bền vững.

1.4. Những người có uy tín: là những người có ảnh hưởng khá sâu rộng trong cộng đồng làng bản. Họ là những người có tư cách đạo đức, có tri thức nhất định, biết tính toán làm ăn, sẵn sàng giúp đỡ người khác, ý kiến của họ được dân nghe, dân tin. Người uy tín có thể tham gia công tác xã hội, giữ các cương vị quản lý trong Đảng, chính quyền, các đoàn thể ở cấp xã hoặc tổ chức xã hội ở thôn, bản. Cũng có thể chỉ đơn thuần là người tốt, biết tính toán làm ăn, sẵn sàng chỉ bảo, giúp đỡ người khác, hoặc làm nghề thầy cúng.

Tựu trung, họ là những người có một số đức tính nổi trội sau: có vốn tri thức nhất định, nhất là những tri thức mang tính bản địa (hiểu biết về tự nhiên, phong tục, tập quán của dân, của bản, làng); quan tâm, chăm lo đến đời sống của cộng đồng dân cư trong bản, làng; có khả năng thu phục, cảm hoá những người xung quanh; nổi trội về một lĩnh vực nào đó (ăn ở, đức độ, tài làm kinh tế, lòng hảo tâm...).

Như vậy, già làng, trưởng bản, trưởng họ và người có uy tín có các điểm chung: có những kiến thức bổ ích cho cuộc sống cộng đồng, có quyền uy, được dân chúng tin tưởng, nghe theo và cử làm người đại diện cho mình trên một số lĩnh vực, công việc cụ thể. Có trường hợp, một người có thể vừa là trưởng bản, đồng thời được suy tôn làm già làng, lại là trưởng họ và là người có uy tín trong bản (Nguyễn Ngọc Hà và các cộng sự, 2006, tr. 17).

2. Vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và người uy tín trong đời sống cộng đồng hiện nay

Ngày nay, vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và người có uy tín được đề cao, tuy không phải là một cấp trong hệ thống chính quyền, nhưng họ là những người gần dân nhất (Trần Hữu Sơn, 1999, tr. 16). Mọi công việc của dân, mọi chính sách, chế độ chủ trương từ cấp chính quyền đến dân hay không đều thông qua những nhân vật này.

Theo kết quả xử lý phiếu điều tra tiến hành năm 2007-2008 của chúng tôi thì các dân tộc thiểu số ở Sơn La đều khẳng định vai trò quan trọng của trưởng bản, trưởng dòng họ, già làng. Nếu xếp ý kiến đánh giá chia theo chủ hộ, bảng sau cho thấy các chỉ số đánh giá mức quan trọng của trưởng bản, già làng ở các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La (xem Bảng 1).

Trong đó, vai trò của trưởng bản được xếp ưu tiên quan trọng nhất, vượt xa các đối tượng khác như người giàu, người có học vấn, có chức vụ, thầy cúng, già làng, trưởng dòng họ...

Bảng 1: Mức độ quan trọng của trường bản trong đời sống cộng đồng

Dân tộc			Mức độ				Tổng cộng
			Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng	Không biết/KTL	
1	Thái	Số lượng (SL)	287	58	1	0	346
		%	82,9	16,8	0,3	0	100,0
2	Dao	SL	164	9	4	0	177
		%	92,7	5,1	2,3	0	100,0
3	Hmông	SL	250	17	0	0	267
		%	93,6	6,4	0	0	100,0
4	Khơ-me	SL	129	70	0	0	199
		%	64,8	35,2	0	0	100,0
5	Kháng	SL	63	41	0	0	104
		%	60,6	39,4	0	0	100,0
6	Xinh-mun	SL	142	53	1	1	197
		%	72,1	26,9	0,5	0,5	100,0
7	La Ha	SL	68	39	0	0	107
		%	63,6	36,4	0	0	100,0
8	Mường	SL	143	50	0	0	196
		%	73,0	25,5	0	0	100,0
9	Khác	SL	4	0	0	0	4
		%	100,0	0	0	0	100,0
Tổng cộng		SL	1.253	339	6	1	1.602
Tỷ lệ %			78,2	21,2	0,4	0,1	100,0

Nguồn: Kết quả xử lý phiếu điều tra đề tài Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các dân tộc tỉnh Sơn La.

Bảng 2: Vai trò của già làng, trường bản, trưởng họ, người có uy tín trong đời sống cộng đồng

TT	Phương án lựa chọn	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Người giàu có	371	23,1
2	Người có học vấn cao	591	36,8
3	Người có chức vụ	678	42,2
4	Thầy cúng	449	28
5	Già làng	902	56,2
6	Trường bản	1344	83,4
7	Trưởng dòng họ	576	35,9
8	Người có kinh nghiệm sản xuất	728	45,8
9	Người khác	52	3,3

Nguồn: Kết quả xử lý phiếu điều tra đề tài Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các dân tộc tỉnh Sơn La.

Như vậy, Bảng 2 cho thấy theo sự tín nhiệm của người dân hiện nay, trưởng bản là người có vai trò quan trọng nhất ở cơ sở, sau đó là già làng. Qua điều tra 1.602 phiếu hộ gia đình, có tới 78,2% ý kiến cho rằng trưởng bản vẫn có vị trí rất quan trọng trong cộng đồng. Tỷ lệ ý kiến tập trung cao nhất ở người Hmông (93,6%) và người Dao (92,7%).

Trưởng bản hiện nay là người đảm trách toàn bộ khối lượng công việc ở bản. Thực tế cho thấy: khối lượng công việc của các trưởng bản khá lớn. Các khó khăn mà họ thường xuyên gặp phải là: thời gian cho phép thực hiện không nhiều, trình độ hạn chế, phụ cấp hạn chế... Trợ cấp hàng tháng cho trưởng bản như hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu công tác, đặc biệt ở các xã vùng

miền núi còn nhiều khó khăn. Theo ý kiến các trưởng bản, mức trợ cấp hàng tháng cần được điều chỉnh lại cho phù hợp. Số tiền trợ cấp ở mức 500.000 - 600.000 đồng/tháng sẽ tạo điều kiện giúp họ hoàn thành tốt công việc hơn.

Nhìn chung, trưởng bản hiện nay có trình độ cao hơn so với trưởng bản trong “bộ máy tự quản” trước đây. Họ có sức khỏe, năng động lại có học thức, nên dễ tiếp thu cái mới. Họ là người dẫn dắt dân bản thực hiện các công việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hoá mới, thực hiện một số công việc tự quản của bản làng (Nguyễn Ngọc Hà và các cộng sự, 2005, tr. 17). Kết quả điều tra cho thấy, các công việc ở bản phần lớn do trưởng bản quyết định (xem Bảng 3).

Bảng 3: Vai trò quyết định trong công việc chung của bản

Dân tộc			Trưởng bản		Thầy cúng, thầy mo		Già làng		Người có uy tín	
			Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	Thái	SL	318	23	4	102	46	86	54	78
		%	93,3	6,7	3,7	95,3	34,6	64,7	40,9	59,1
2	Dao	SL	170	9	26	153	56	123	54	125
		%	95,0	5,0	14,5	85,5	31,3	68,7	30,2	69,8
3	Hmông	SL	258	9	6	261	43	223	29	238
		%	96,6	3,4	2,2	97,8	16,1	83,5	10,9	89,1
4	Kơ-mú	SL	174	25	21	178	27	172	57	142
		%	87,4	12,6	10,6	89,4	13,6	86,4	28,6	71,4
5	Kháng	SL	98	6	0	104	1	103	2	102
		%	94,2	5,8	0	100,0	1,0	99,0	1,9	98,1
6	Xinh-mun	SL	181	16	3	194	8	189	3	194
		%	91,9	8,1	1,5	98,5	4,1	95,9	1,5	98,5
7	La Ha	SL	106	1	1	106	0	107	0	107
		%	99,1	0,9	0,9	99,1	0	100,0	0	100,0
8	Mường	SL	146	29	1	132	16	120	43	107
		%	74,5	14,8	0,5	67,7	8,2	61,2	21,9	54,6
9	Khác	SL	3	0	0	3	0	3	0	3
		%	75,0	0	0	75,0	0	75,0	0	75,0

Nguồn: Kết quả xử lý phiếu điều tra đề tài Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các dân tộc tỉnh Sơn La.

Ngày nay, tổ chức dòng họ trong đời sống gia đình các dân tộc thiểu số Sơn La vẫn có ý nghĩa quan trọng. Nếu ở dân tộc Hmông và Dao, mối quan hệ dòng họ chủ yếu tập trung vào quan hệ tông tộc thì ở người Thái, Kháng, La Ha, Xinh-mun quan hệ dòng họ được mở rộng hơn với nhiều mối quan hệ nội ngoại, thông gia...

Kết quả khảo sát cũng cho thấy: vai trò của trưởng dòng họ rất được đề cao trong đời sống của đồng bào Hmông và Dao. Điều này hoàn toàn phù hợp với phong tục tập quán của các dân tộc này. Đối với dân tộc Thái, Kháng, La Ha, Xinh-mun, mặc dù trưởng họ không có vị trí nổi bật trong cộng đồng nhưng cũng có tiếng nói quan trọng trong việc giữ gìn sự ổn định và xây dựng gia đình văn hoá.

Bảng 4 : Ý kiến về vai trò của trưởng dòng họ

Dân tộc		Vai trò của trưởng dòng họ				Tổng cộng	
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng	Không biết/KTL		
1	Thái	SL	153	131	28	1	313
		%	48,9	41,9	8,9	0,3	100,0
2	Dao	SL	106	58	4	0	168
		%	63,1	34,5	2,4	0	100,0
3	Hmông	SL	237	22	3	1	263
		%	90,1	8,4	1,1	0,4	100,0
4	Kho-mú	SL	9	72	35	83	199
		%	4,5	36,2	17,6	41,7	100,0
5	Kháng	SL	1	7	17	79	104
		%	1,0	6,7	16,3	76,0	100,0
6	Xinh-mun	SL	75	109	11	0	195
		%	38,5	55,9	5,6	0	100,0
7	La Ha	SL	3	1	0	103	107
		%	2,8	0,9	0	96,3	100,0
8	Mường	SL	69	73	16	15	173
		%	39,9	42,2	9,2	8,7	100,0
9	Dân tộc khác	SL	2	1	1	0	4
		%	50,0	25,0	25,0	0	100,0
Tổng cộng		SL	657	477	115	282	1531
		%	42,9	31,2	7,5	18,4	100,0

Nguồn: Kết quả xử lý phiếu điều tra đề tài Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các dân tộc tỉnh Sơn La.

Nhìn chung, tiếng nói của trưởng họ vẫn có tính quyết định trong một số công việc của dòng họ. Qua khảo sát, đối với dân tộc Thái, việc di chuyển chỗ ở trong công cuộc tái định cư phục vụ công trình thủy điện Sơn La, có 56% cho rằng tiếng nói của trưởng dòng họ có ý nghĩa quyết định. Trong tang ma, trưởng họ là người đóng vai trò quan trọng ở dân tộc Thái - 97,6%; dân tộc Hmông - 70,3% và dân tộc Dao - 48,8%. Đối với việc tổ chức cưới xin nhất thiết phải xin ý kiến trưởng họ thì tỷ lệ này ở dân tộc Thái là 75%, Hmông - 69,5%, Khơ-mú - 18,2% và Mường - 45%.

3. Vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ và những người có uy tín trong việc thực hiện các vấn đề văn hoá - xã hội

Trong mỗi làng bản các dân tộc thiểu số hiện nay người dân được tham gia quyết định trực tiếp những vấn đề liên quan đến đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, do trình độ dân trí còn thấp, có những vấn đề người dân không tự quyết định được nên những người già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ, người có uy tín được nhân dân coi trọng, tham khảo ý kiến. Bằng hiểu biết và kinh nghiệm của mình, những nhân vật này tuyên truyền, vận động nhân dân trong bản làng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Họ là những người có tiếng nói trong phát triển kinh tế, nhất là trong việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội. Ý kiến của già làng, trưởng bản, trưởng họ và người có uy tín sẽ tạo ra dư luận xã hội, từ đó có tác dụng điều chỉnh các hành vi của dân bản. Khi trình độ dân trí làng bản còn thấp thì dư luận của cộng đồng sẽ đóng vai

trò là người hướng dẫn ứng xử của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nó tác động mạnh đến nhận thức của người dân. Hiện nay, việc tuyên truyền dân số kế hoạch hóa gia đình ở vùng miền núi là nhiệm vụ cấp bách. Nâng cao trình độ nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề này có ý nghĩa quyết định nhằm giảm tỷ lệ tăng dân số. Nhưng muốn làm chuyển biến về mặt nhận thức trong dân bản phải tiến hành công tác truyền thông một cách có hiệu quả, khoa học, phù hợp với đặc điểm nhận thức của dân tộc (Trần Hữu Sơn, 1999, tr. 17). Có một thực tế là tại vùng miền núi, dân tộc nói chung, ở tỉnh Sơn La nói riêng có nhiều kênh truyền thông dân số như: báo, đài, ti vi nhưng hiệu quả còn thấp, trong khi đó nếu phát huy được vai trò tuyên truyền trực tiếp của già làng, trưởng bản, trưởng họ và người có uy tín thì hiệu quả sẽ rất cao.

Đối với việc bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, nếu được sự đồng ý và ủng hộ của người già, trưởng bản, trưởng họ và những người có uy tín thì việc thực hiện sẽ rất thuận lợi. Bởi họ là những người nắm vững và hiểu biết rõ nhất về tập quán, phong tục truyền thống, trong đó có cả những phong tục đã lạc hậu cần xoá bỏ hoặc thay đổi.

Trong xã hội hiện đại, vị trí vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín đã có nhiều thay đổi. Trước đây chỉ có già làng, trưởng bản là người duy nhất cai quản bản làng thì nay cai quản bản làng ngoài sự lãnh đạo của Đảng còn có chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội... Xét trên nhiều bình diện cho thấy, bên cạnh vai trò quan trọng của hệ thống chính trị thì già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín

hiện nay vẫn được cộng đồng coi trọng. Nếu biết phát huy những yếu tố truyền thống tốt đẹp kết hợp với việc loại bỏ những yếu tố không phù hợp, bổ sung những yếu tố, nội dung mới, chắc chắn già làng, trưởng bản, trưởng họ, người có uy tín sẽ có nhiều đóng góp cho công tác quản lý cộng đồng, xây dựng nông thôn mới.

Kết luận

Ngày nay, việc phát huy vai trò của già làng, trưởng bản và những người có uy tín không nên chỉ nhìn nhận một chiều, mà phải luôn đặt trong xu thế biến đổi của nông thôn miền núi phía Bắc, gắn liền với phát huy vai trò của tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Già làng, trưởng bản và những người có uy tín đóng vai trò to lớn trong đời sống cộng đồng làng/bản. Vì vậy, nếu được cơ cấu hợp lý trong hệ thống chính trị cơ sở sẽ có nhiều tác dụng tốt cho tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Bính (Chủ biên) (2004), *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Phan Hữu Dật (2003), *Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

3. Nguyễn Ngọc Hà (Chủ nhiệm) (2006), *Phát huy vai trò già làng, trưởng bản người dân tộc thiểu số trong thực hiện qui chế dân chủ tại các tỉnh miền núi phía bắc nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

4. Trần Hữu Sơn (1999), “Vai trò của già làng trưởng bản với vấn đề truyền thông dân số ở vùng đồng bào các dân tộc ít người”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2.

5. Lê Thị Phương Thảo (2004), “Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Dân tộc*, Số tháng 1.

6. Ngô Ngọc Thắng (Chủ nhiệm) (1997), *Văn hoá bản làng các dân tộc Thái, Mông ở các tỉnh miền núi Tây Bắc và việc phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong điều kiện hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

7. Bùi Xuân Trường (Chủ nhiệm) (1997), *Tác động của luật tục đối với việc quản lý xã hội ở các dân tộc Thái, HMông thuộc Tây Bắc Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

8. Cẩm Trọng, Ngô Đức Thịnh (1999), *Luật tục ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

9. Lê Trọng Vinh (2005), “Vai trò già làng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, Số 7.

10. Viện Ngôn ngữ học (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.